3

CƠ QUAN CẤP HỘ CHIẾU
ISSUING AUTHORITY
CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH
Immigration Department
T/L CỤC TRƯỞNG
For the Director
P. Trưởng Phòng
Deputy Chief of Division
Hoàng Thanh Tùng

Chữ ký người mang hộ chiếu
Signature of bearer
Ngọc
Lương Văn Ngọc

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM - *SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM*

HỘ CHIẾU / *PASSPORT*

Loại / *Type*	Mã số / *Code*	Số hộ chiếu / *Passport N°*
P	VNM	C6930069

Họ và tên / *Full name*
LƯƠNG VĂN NGỌC

Quốc tịch / *Nationality* — VIỆT NAM / *VIETNAMESE*

Ngày sinh / *Date of birth* — 18 / 11 / 1990

Nơi sinh / *Place of birth* — NGHỆ AN

Giới tính / *Sex* — NAM / M

Số GCMND / *ID card N°* — 186566372

Ngày cấp / *Date of issue* — 18 / 03 / 2019

Có giá trị đến / *Date of expiry* — 18 / 03 / 2029

Nơi cấp / *Place of issue*
Cục Quản lý xuất nhập cảnh

P<VNMLUONG<<VAN<NGOC<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<
C6930069<1VNM9011182M2903183186566372<<<<<00

JAPAN IMMIGRATION INSPECTOR

上陸許可
LANDING PERMISSION

在留年月日 Date of permit: 14 OCT 2019
在留期限 Until: 14 OCT 2020
在留資格 Status: Designated activities (Technical intern training (I)(b))
Duration: One year
FUKUOKA A.P.

18245059G9

KYYH2774553
HE7834398RD

JAPAN VISA
日本国査証

EC4847241

Place of issue: HANOI
Date of issue: 03 OCT 19
Date of expiry: 03 JAN 20
No.of entries: SINGLE
Issue No.: 19B73273
For stay(s) of: 1 YEAR
Category: (E) AS TECH. INTERN TRAINING (I) (B)
Surname/Given name: LUONG VAN NGOC
Passport No.: C6930069
Sex: M
Date of birth: 18 NOV 90
Nationality: VNM
No. of applicants
Remarks

FDY19-063352

V<JPNLUONG<<VAN<NGOC<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<
C6930069<1VNM9011182M2001034 19B73273620A<E17